

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hồng**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**
Ông Đoàn Hồng Canh

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Phương Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Tuyết N**, sinh năm 1974; ĐKKHKT: Khu 7 xã TP, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh **Hà Văn Đ**, sinh năm 1972; ĐKKHKT: Khu 4 xã ĐX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Đỗ Thị Tuyết N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hà Văn Đ ngày 23/6/2005 tại Ủy ban nhân dân xã ĐX, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2020, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh Đ chơi cờ bạc và ngoại tình, không còn quan tâm đến vợ con nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn Đ.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung là: Cháu Hà Thị Hồng Y sinh ngày 29/8/2005 và cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 19/3/2013

Hiện nay các cháu đang ở với chị N , sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con chung và không đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị N xác định vợ chồng tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, bà Trần Thị Th là mẹ đẻ của anh Hà Văn Đ trình bày:

Anh Đ và chị N kết hôn với nhau năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐX . Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng nhà với bà. Sau đó anh Đ và chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn và anh Đ đã bỏ đi, chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà nhưng không nói rõ địa chỉ. Thời gian gần đây nhất anh Đ về là ngày 05/5/2022, sau đó lại đi đâu không rõ, còn chị N cũng bỏ nhà đi. Tòa án có nhiều lần gửi giấy triệu tập cho anh Đ qua gia đình, nhưng bà không nhận thay vì bà già rồi, bà cũng chỉ nói qua cho anh Đ biết việc có giấy triệu tập của Tòa án, nhưng anh Đ không nói gì.

Về con chung: Vợ chồng anh Đ , chị N có hai con chung là cháu Hà Thị Hồng Y , sinh năm 2005 và cháu Hà Ngọc N , sinh năm 2013 hiện đang ở với chị N , đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình vợ chồng anh Đ và chị N chung sống cùng nhà với bà thì không có tài sản chung gì và cũng không xây dựng, coi nói thêm gì trong gia đình bà nên không có công sức đóng góp.

Quan điểm của bà về việc giải quyết ly hôn của các con là: việc ly hôn là do chị N và anh Đ quyết định, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân và Hội Liên hiệp phụ nữ xã ĐX thể hiện:

- Về nơi cư trú: Anh Đ và chị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 4 xã ĐX , huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ và sống chung với mẹ đẻ là bà Trần Thị Th . Hiện nay anh Đ làm ăn ở đâu thì UBND xã ĐX không rõ, thỉnh thoảng anh Đ có về nhà thăm mẹ đẻ là bà Trần Thị Th .

- Về tình trạng hôn nhân: Anh Đ và chị N đăng ký kết hôn với nhau ngày 23/6/2005 tại UBND xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy. Sau khi kết hôn thì cùng nhau sinh sống tại nhà mẹ chồng là bà Trần Thị Th tại khu 4 xã ĐX , huyện Thanh Thủy tỉnh Phú Thọ. Quá trình vợ chồng chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung: Cháu Hà Thị Hồng Y sinh ngày 29/8/2005; Cháu Hà Ngọc N , sinh ngày 19/3/2013.

Quan điểm của UBND xã ĐX về việc giải quyết tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” giữa anh Đ và chị N : Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ

đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Căn cứ: Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tuyết N .

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Tuyết N được ly hôn anh Hà Văn Đ

- Về con chung: Giao cháu Cháu Hà Thị Hồng Y sinh ngày 29/8/2005; Cháu Hà Ngọc N , sinh ngày 19/3/2013 cho chị Đỗ Thị Tuyết N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa anh Đ với chị N chấm dứt cho đến khi các cháu thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N .

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Tuyết N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục Tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Đ và nhiều lần triệu tập anh Đ đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên anh Đ đều vắng mặt không có lý do; Chị N có đơn từ chối hòa giải do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 1, khoản 4, Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227 và Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Tuyết N kết hôn với anh Hà Văn Đ ngày 23/6/2005, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã ĐX , huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N , anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn thực tế chung sống. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn anh Đ , quá trình. Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị N , xử cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị N và anh Đ có 02 con chung: Cháu Hà Thị Hồng Y sinh ngày 29/8/2005; Cháu Hà Ngọc N , sinh ngày 19/3/2013.

Ly hôn, chị N đề nghị được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế hiện nay cháu Yến và cháu Nam đang ở với chị N. Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của chị N là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu Yến và cháu Nam cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu. Do vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Tuyết N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Tuyết N được ly hôn anh Hà Văn Đ

2. Về con chung: Giao cháu Cháu Hà Thị Hồng Y sinh ngày 29/8/2005 và Cháu Hà Ngọc N, sinh ngày 19/3/2013 cho chị Đỗ Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi quan hệ hôn nhân giữa anh Đ với chị N chấm dứt cho đến khi cháu Yến, cháu Nam thành niên.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Tuyết N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005928 ngày 04/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐX ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Hồng

